

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09-02-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Trần Văn Ân**

2/ Ông **Nguyễn Minh Vũ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thạch Thị Tuyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 290/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trịnh Thị Minh A**, sinh năm 1984. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: số A, khu B (khu C cũ), thị trấn T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh **Đặng Phước H**, sinh năm 1981. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: khu B (khu C cũ), thị trấn T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người làm chứng:* Bà **Đặng Thị Thu B**, sinh năm 1952. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: khu B (khu C cũ), thị trấn T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 25/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trịnh Thị Minh A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Phước H thành hôn vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 04/4/2016. Thời gian chung sống được khoảng 06 năm, lúc đầu sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống do anh H ghen tuông nghi kỵ đối với chị, có nhiều lần đánh chị và vợ chồng đã ly thân khoảng 01 năm nay không ai tới lui thăm nom giúp đỡ gì. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đặng Phước H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Huỳnh Khánh A, sinh ngày 13/9/2016 hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 05/01/2022, người làm chứng bà Đặng Thị Thu Ba trình bày: Giữa anh H và chị Minh A thành hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn thì chị Minh A vẫn sống bên nhà cha mẹ ruột còn anh H sống chung nhà với bà, tối thì anh H về nhà chị Minh A ngủ. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị Minh A thì bà không biết. Về con chung có 01 con chung tên Đặng Huỳnh Khánh A, sinh ngày 13/9/2016 hiện đang sống chung với chị Minh A. Về tài sản chung thì bà không biết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thể hiện trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hoàn toàn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có ý kiến về nội dung mà nguyên đơn khởi kiện, không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người làm chứng có ý kiến trình bày xin vắng mặt tại phiên tòa, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trịnh Thị Minh A, xử cho chị Minh A ly hôn với anh Đặng Phước H. Về con chung: Giao con chung tên Đặng Huỳnh Khánh A, sinh ngày 13/9/2016 cho chị Trịnh Thị Minh A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đặng Phước H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí sơ thẩm: Chị Trịnh Thị Minh A phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Trịnh Thị Minh A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Đặng Phước H cư trú tại khu B (khu C cũ), thị trấn T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Bị đơn anh Đặng Phước H được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[1.3] Người làm chứng bà Đặng Thị Thu B vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà Thu B đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Trịnh Thị Minh A và anh Đặng Phước H thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13 vào ngày 14/4/2016 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị Minh A và anh H là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị Minh A và anh H thời gian đầu sống rất hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hợp nhau do anh H ghen tuông nghi kỵ nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh H có đánh chị Minh A và vợ chồng ly thân khoảng 01 năm nay không ai tới lui thăm nom giúp đỡ gì. Sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để Tòa án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng anh H vắng mặt không lý do. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị Minh A và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị Minh A là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét thấy con chung tên Đặng Huỳnh Khánh A, sinh ngày 13/9/2016 hiện đang sống trực tiếp với chị Minh A, cuộc sống cũng đảm bảo. Chị Minh A yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H không có ý kiến về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử xét giao con chung cho chị Minh A trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không

phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trịnh Thị Minh A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Thị Minh A phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trịnh Thị Minh A. Xử cho chị Minh A ly hôn với anh Đặng Phước H.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Đặng Huỳnh Khánh A, sinh ngày 13/9/2016 cho chị Trịnh Thị Minh A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đặng Phước H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Chị Trịnh Thị Minh A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Trịnh Thị Minh A nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) chị Minh A đã nộp theo biên lai thu số 0014053 ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị Minh A đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND thị trấn T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long
(Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 14/4/2016);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy An